

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-PT

Ngày: 04 – 01 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản
và Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Trần Duy Phương;

Bà Đinh Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bé Văn Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 257/2021/TLPT- DS về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hợp đồng mượn tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 154/2021/DS - ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2021/QĐ-PT ngày 29/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Xuân A, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số A, đường T, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số A, đường T, phường TL, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt);

- Bị đơn: Công ty TNHH Vật tư nông nghiệp Quang V.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T, chức vụ: Giám đốc công ty.

Địa chỉ: Số B, đường N, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963.

2. Chị Tạ Thị Yến O, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Số B, đường N, phường TA, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh L trình bày:

Ngày 27/9/2017, ông Trần Xuân A và Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V (gọi tắt là công ty Quang V) ký kết hợp đồng thương mại số 270917/HĐTM/QV-TXA và hợp đồng kinh tế số 270917/HĐKT/QV-TXA. Theo đó, Công ty sẽ cung cấp phân bón thương hiệu Rapid theo đơn đặt hàng của ông A để ông A bán và phân phối đi các khách hàng khác. Hợp đồng thương mại cũng quy định số lượng, giá cả, doanh số, điều kiện thưởng, phương thức giao nhận, hỗ trợ, phương thức đặt cọc và thanh toán. Theo đó tiền hàng được thanh toán trước 50% giá trị đơn hàng, 50% còn lại thanh toán khi nhận hàng. Ngoài ra, tại hợp đồng thương mại còn quy định về trách nhiệm và quyền của mỗi bên, theo đó, ông A có trách nhiệm thanh toán tiền đúng hạn cho Công ty và có quyền yêu cầu công ty giao hàng đúng thời gian, địa điểm đã cam kết. Giữa hai bên lại không thực hiện hợp đồng kinh tế. Ngay sau khi ký kết hợp đồng thương mại, ông A đã thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản được quy định nêu trên. Ông A thừa nhận Công ty Quang V đã xuất hàng làm 04 đợt: Tổng cộng 126 tấn phân hạt và 53 thùng phân nước. Tổng trị giá: 1.362.852.000 đồng.

Tuy nhiên, kể từ tháng 11 năm 2017, sau khi ông A thanh toán hết số tiền hàng cho Công ty và yêu cầu đơn hàng mới nhưng công ty không giao hàng cũng như thông báo cho ông A biết. Như vậy đã vi phạm cam kết hai bên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 về Trách nhiệm và quyền trong hợp đồng thương mại số 270917/HĐTM/QV-TXA ngày 27/9/2017.

Vừa qua, công ty đã gửi sổ công nợ nhân viên kinh doanh Trần Xuân A cho ông A. Theo đó, tính đến thời điểm 31/12/2017 thì số tiền ông A còn nợ công ty là 141.637.000 đồng. Điều này là sai sự thật vì sổ công nợ công ty đưa ra còn thiếu sót rất nhiều các khoản tiền mà ông A đã thanh toán cho công ty cụ thể như sau:

- Ngày 05/10/2017: Thanh toán 110.000.000 đồng tiền mặt cho bà Nguyễn Thị Q – mẹ ruột của bà Tạ Thị Yên O nhận thay. Có phiếu thu kèm theo, nội dung: nhận tiền hàng.

- Ngày 31/10/2017: Thanh toán 300.000.000 đồng tiền mặt cho bà Nguyễn Thị Q – mẹ ruột của bà Tạ Thị Yên O nhận thay. Có giấy nhận tiền kèm theo, nội dung: nhận tiền đặt hàng phân bón.

- Ngày 15/11/2017: Thanh toán 100.000.000 đồng bằng chuyển khoản. Trong đó, chuyển khoản bằng Internet Banking số tiền 25.000.000 đồng, chuyển khoản tại Ngân hàng Agribank số tiền 75.000.000 đồng (có giấy ủy nhiệm chi kèm theo).

Như vậy, công ty đã không đưa vào sổ công nợ số tiền ông A đã thanh toán là 510.000.000 đồng.

Ngoài ra, tại Điều 1 của phụ lục hợp đồng thương mại số 270917/HĐTM/QV-TXA ngày 27/9/2017 có quy định về định mức doanh số để được thưởng. Theo đó, khi đạt doanh số 100 tấn sẽ được tặng 01 xe SH. Như vậy, ông A đã đạt doanh số 128 tấn thì hoàn toàn đủ điều kiện được thưởng chiếc xe SH theo quy định tại phụ lục nêu trên và căn cứ theo sổ công nợ nhân viên kinh doanh Trần Xuân A thì giá trị quy đổi thành tiền mặt của chiếc xe SH là 50.000.000 đồng.

Vậy việc thanh toán tiền hàng giữa hai bên chính xác như sau:

- Tổng số tiền hàng cần thanh toán là: 1.362.825.000 đồng (theo sổ công nợ của công ty).

- Tổng số tiền hàng ông A đã thanh toán là: 1.170.000.000 đồng (theo sổ công nợ của công ty) + 50.000.000 đồng (giá trị xe SH được thưởng) + 510.000.000 đồng (số tiền ông A đã thanh toán chưa được công ty đưa vào sổ công nợ) = 1.730.000.000 đồng.

Đối chiếu các số liệu nêu trên thì công ty còn nợ lại ông A số tiền là: 367.175.000 đồng.

Ngoài ra, công ty còn nợ ông A số hàng hóa trị giá 5.840.000 đồng mà công ty mượn vào ngày 03/5/2018 nhưng chưa trả, cụ thể: 12 chai Rapid hydro trị giá 3.840.000 đồng, 50 kg Rapid Biobliend trị giá 700.000 đồng, 50 kg Rapid super trị giá 600.000 đồng, 50 kg Rapid KS Fish trị giá 700.000 đồng. Có phiếu nhập kho kèm theo.

Như vậy công ty còn nợ ông A tổng cộng là: 373.015.000 đồng.

Theo đó ngày 06/9/2018 ông A đã gửi thông báo về việc đối chiếu công nợ giữa ông A và Công ty Quang V và đề nghị công ty thanh toán cho ông A số tiền nêu trên.

Ngày 11/9/2018, ông A nhận được biên bản xác nhận công nợ đề ngày 08/9/2018 của công ty với nội dung: Ông Trần Xuân A còn nợ Công ty số tiền là 195.562.500 đồng. Điều này hoàn toàn không có căn cứ vì: Công ty liên tục đưa ra các biên bản đối chiếu công nợ không rõ ràng, công ty đã lấp liếm những khoản tiền bị kê khai thiếu, bằng việc tự động chia các khoản tiền đó ra cho phù hợp với các chứng từ mà ông A đề cập đến, việc lý giải những khoản tiền nêu trên tại biên bản xác nhận công nợ ngày 08/9/2018 là không phù hợp, không chính xác theo các chứng từ giao nhận tiền.

Như vậy, sau nhiều lần ông A và Công ty đối chiếu công nợ nhưng phía công ty vẫn cố tình không minh bạch trong việc thanh toán giữa hai bên nhằm tránh né nghĩa vụ trả nợ cho ông A, không những thế công ty còn một mực cho rằng ông A là người nợ tiền công ty. Điều này làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông A.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm nghiêm trọng nên ông Trần Xuân A đã khởi kiện Công ty Quang V ra Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, theo đó đề nghị Tòa án xét xử: Buộc Công ty Quang V phải trả cho ông Trần Xuân A tổng số tiền là 373.015.000 đồng và số tiền lãi phát sinh 10% /năm theo quy định pháp luật kể từ ngày ông A khởi kiện.

Ông Trần Xuân A là cá nhân kinh doanh nên ông A không mở Công ty hay Doanh nghiệp để kinh doanh nên Tòa án xác định vụ việc theo quy định.

Quá trình tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V trình bày:

Ngày 27/09/2017, Công ty Quang V và ông Trần Xuân A, ký kết Hợp đồng Thương mại 270917/HĐTM/QV-TXA.

Sau khi ký hợp đồng thương mại kiểm tra thấy ông Trần Xuân A không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bên cạnh đó ông A lựa chọn gói hàng 1.000

tấn phân để nhận thưởng 01 xe ô tô Mazda BT50, do đó chúng tôi thỏa thuận ký hợp đồng kinh tế số: 270917/HĐKT/QV-TXA ngày 27/9/2017, theo đó Công ty Quang V bán cho ông Trần Xuân A các loại phân bón có trong danh mục hàng hóa của Công ty đăng ký và được phép phân phối. Ông Trần Xuân A thỏa thuận mua 1.000 tấn phân các loại và ông A phải thanh toán trước bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản tối thiểu 25% tổng giá trị hợp đồng, ngay khi ông A đặt hàng xuất kho. Điều 5. Hợp đồng quy định: *“Bên A sẽ giao hàng cho bên B từ 3-5 ngày kể từ ngày Bên A nhận được tiền”*.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng kinh tế, ông Trần Xuân A mua của công ty gồm 04 đợt hàng. Trong đó ông A mới thanh toán dứt điểm 01 đơn hàng, số lượng 28 tấn thành tiền 272.000.000 đồng, còn 03 đơn hàng sau ông A chưa thanh toán đủ tiền cho Công ty. Tính đến ngày 22/11/2017, ông A đang nợ công Ty Quang V số tiền là: 191.400.000đ (tổng số trước đó là 194.375.000 nay những bao nhỏ lẻ chúng tôi không tính vào nên trừ đi còn số tiền trên). Công ty đã nhiều lần gọi điện thoại mời ông A lên đối chiếu công nợ và thanh toán tiền nợ cho Công ty, nhưng ông A không hợp tác.

Nay ông A khởi kiện Công ty Quang V ý kiến như sau:

Ngày 05/10/2017, ông A có lên nộp công ty 110.000.000đ khi đó không có kế toán tại công ty nên bà Q nhận thay và viết phiếu thu 110.000.000đồng vào phiếu thu của công ty khác. Sau đó ngày 19/10/2017 ông A có mang lên công ty 270.000.000đồng; tổng cộng là 380.000.000đồng, trong đó ông A yêu cầu bà O tách thành 2 khoản là 272.000.000đ phiếu thu 02 (sau đây gọi tắt là PT) tất toán đơn hàng của phiếu xuất kho (viết tắt là P XK) số 36 (Đợt 1) là 272.000.000đồng và còn lại 108.000.000đồng cọc tiền hàng cho đơn hàng 28 tấn (10Đ, 8L, 10K sau đó đơn hàng có sự điều chỉnh số lượng thành 9Đ, 8L, 11K theo P XK 37 (PT03). Khi đó bà O có yêu cầu ông A trả lại tờ giấy 110.000.000đồng do bà Q viết thì ông A nói quên ở nhà hôm sau mang lên trả đến nay vẫn chưa thấy trả lại cho công ty.

Ngày 25/10/2017, ông A mang thêm 90.000.000đồng thanh toán cho đơn hàng P XK số 37 (Đợt 2) tổng giá trị đơn hàng là: 271.000.000đồng trừ 108.000.000đồng và 90.000.000đồng ông A còn nợ công ty: 73.000.000đồng.

Ngày 31/10/2017, ông A có đưa bà Q 300.000.000đồng để thanh toán tiền cũ và cọc đơn hàng mới (P XK 42, P XK 43, P XK 44) tổng 03 đơn hàng có giá trị là: P XK 42: 334.500.000đồng, P XK 43: 335.500.000đồng, P XK 44: 42.000.000đồng; tổng cộng là: 712.000.000đồng (Đợt 3). Trong ngày hôm đó kế toán và giám đốc không có ở công ty nên chưa nhập phiếu thu. Ngày 03/11/2017 ông A mang đến công ty thêm 250.000.000đồng và Công ty đã xuất cho ông A PT 06 số tiền 250.000.000đồng và PT 07 số tiền 300.000.000đ (số tiền bà Q nhận ngày 31/10/2017) chúng tôi hoàn toàn không nghe ông A có nhắc đến giấy bà Q viết nhận 300.000.000đ lúc đó ông A không trả và công ty không thu lại giấy nợ trên. Tính đến đây ông A còn nợ công ty số tiền là: 235.000.000đồng

Tiếp ngày 14/11/2017, ông A lấy thêm 1 đơn hàng theo P XK S1-02 trị giá 106.400.000đồng (Đợt 4); tổng nợ lên đến 341.400.000đồng, sau đó ông A tiếp tục yêu cầu lấy hàng nhưng nợ cũ chưa thanh toán nên công ty yêu cầu ông A thanh toán nợ cũ để đặt hàng mới. Ngày 15/11/2017 ông A có banking 2 lần qua tổng số

tiền là 100.000.000đồng và đến ngày 22/11/2017 ông A có đến công ty nhắc đã chi trước tiền vận chuyển là 50.000.000đồng yêu cầu công ty cộng lại để trừ vào tiền hàng theo PT quyền 01 số 01 tổng số tiền 150.000.000đồng(nộp trả tiền hàng bao gồm chuyển khoản 100.000.000đồng và 50.000.000đồng hoàn tiền vận chuyển ông A đã chi), nay công ty không yêu cầu tính tiền vận chuyển hàng nữa mà công ty tính luôn vào tiền hàng vì đã thu vào tiền hàng.

Số tiền ông A còn nợ là 235.000.000 + 106.400.000đồng (đợt 4) - 150.000.000 theo phiếu thu số 01, ngày 22/11/2017 = 191.400.000đồng.

Còn về số tiền 5.840.000đồng công ty mượn hàng mẫu từ đại lý T có ghi phiếu cho ông A và sau đó có trả hàng cho đại lý T số tiền này Công ty chấp nhận khấu trừ vào tiền ông A còn nợ.

Về xe SH 50.000.000đồng ông A đăng ký gói 1.000 tấn để nhận xe ô tô Mazda BT50 chưa đạt doanh số theo Hợp đồng từng đợt cộng với chưa thanh toán hết nợ nên ông A không được Công ty thưởng theo Hợp đồng.

Công ty Quang V đã làm đơn phản tố, yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Xuân A trả số nợ là: 193.187.500 đồng, nay Công ty chỉ yêu cầu buộc ông A trả 191.400.000 đồng tiền mua bán phân bón còn thiếu. Số tiền 1.787.5000 đồng Công ty xin rút yêu cầu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Đối với số tiền 110.000.000 đồng tôi viết giấy tay ngày 05/11/2017 tôi đã nhập số tiền trên vào công ty của phiếu xuất kho số 36 ngày 20/10/2017; Đối với số tiền 300.000.000 đồng mà ông A cho rằng tôi đã nhận thay Công ty Quang V để đặt hàng phân bón theo giấy viết tay ngày 31/10/2017 mà ông A cung cấp cho Tòa, tôi xác định tôi có nhận tiền của ông A nên đã đưa vào phiếu thu số 07 ngày 03/11/2017. Việc ông A cho rằng Công ty Quang V không nhập số tiền tôi nhận thay là không có căn cứ đề nghị Tòa án buộc ông A phải trả số tiền nợ cho Công ty Quang V theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị Yến O trình bày:

Tôi cũng đã có lời khai trong hồ sơ, tôi thừa nhận với lời khai của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người đại diện theo pháp luật của Công ty Quang V, bà Nguyễn Thị Q là đúng. Tôi thừa nhận ông A chuyển tiền Internet Banking 100.000.000 đồng vào tài khoản của tôi để trả tiền hàng mua phân bón, tôi đã viết phiếu thu theo yêu cầu của ông A để trả vào tiền hàng theo phiếu thu ngày 22/11/2017.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 154/2021/DS - ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự 166, Điều 280, Điều 579, Điều 580 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận một phần yêu cầu của ông Trần Xuân A về việc: Buộc Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V phải trả cho ông Trần Xuân A số tiền 317.310.000 đồng trả thừa tiền hàng mua bán phân bón và tiền lãi suất 111.490.000 đồng kể từ ngày 04/10/2020 đến ngày 30/9/2021; tiền hứa thưởng theo hợp đồng trị giá chiếc xe SH: 50.000.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân A về việc buộc Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V trả mượn hàng vào ngày 03/5/2018 gồm 12 chai Rapid hydro trị giá 3.840.000 đồng, 50 kg Rapid Biobliend trị giá 700.000 đồng, 50 kg Rapid super trị giá 600.000 đồng, 50 kg Rapid KS Fish trị giá 700.000 đồng chưa trả. Tổng giá trị: 5.840.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V về việc: Buộc ông Trần Xuân A phải trả cho Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V số tiền 191.400.000 đồng tiền mua phân bón còn thiếu. Đối trừ nghĩa vụ của số tiền 5.840.000 đồng Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V mượn tài sản chưa trả thì ông A còn phải thanh toán trả cho Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V số tiền 185.560.000 đồng tiền hàng mua phân còn thiếu.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V về việc buộc ông Trần Xuân A phải trả cho Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V số tiền hàng 1.787.5000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 12/10/2021, ông Nguyễn Minh L, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân A kháng cáo đối với bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết bao gồm:

+ Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 154/2021/DS - ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân A, buộc bị đơn trả lại số tiền 373.015.000 đồng và tiền lãi phát sinh;

+ Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty Quang V về việc yêu cầu ông Trần Xuân A trả số nợ tiền phân bón còn thiếu 191.400.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Minh L giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng ông Trần Xuân A trả thừa số tiền 510.000.000 đồng là không có căn cứ, cấp sơ thẩm không chấp nhận tiền hứa thưởng theo hợp đồng trị giá chiếc xe SH: 50.000.000 đồng, đồng thời buộc ông A trả cho Công ty Quang V số tiền 185.560.000 đồng tiền hàng mua phân còn thiếu là đúng pháp luật. Tuy nhiên, toà án cấp sơ thẩm tính sai phần án phí, cụ thể: Toà án cấp sơ thẩm buộc ông A phải chịu 27.152.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là chưa chính xác, ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 23.152.000 đồng mới chính xác; toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và buộc ông A phải trả cho Công ty Quang V số tiền 185.560.000 đồng nhưng không buộc ông A phải chịu án phí đối với số tiền này là thiếu sót, vi phạm khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2012/UBTVQH 12, ($185.560.000 \text{ đồng} \times 5\% = 9.282.500 \text{ đồng}$); Toà án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần đơn khởi kiện của ông A, buộc Công ty Quang V trả số tiền 5.840.000 đồng nhưng không khấu trừ số tiền này mà vẫn tính lãi rồi tính án phí là chưa chính xác. Tuy nhiên, sai sót này không lớn, cần tính toán lại cho đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Ngày 30/9/2021, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm. Ngày 12/10/2021 ông Nguyễn Minh L, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Xuân A kháng cáo. Đơn kháng cáo của ông L trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại cấp phúc thẩm, trước khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS, toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[2]. Xét nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân A, buộc bị đơn trả lại số tiền 373.015.000 đồng và tiền lãi phát sinh, HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng ký kết giữa Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V và ông Trần Xuân A số 270917/HĐTM/QV-TXA ngày 27/9/2017 theo đó thì

ông A có mua của Công Ty Quang V gồm 04 đợt hàng tổng trị giá là 1.361.400.000 đồng theo các phiếu xuất kho:

- + Phiếu số 36 có trị giá 272.000.000 đồng;
- + Phiếu xuất kho số 37 trị giá 271.000.000 đồng;
- + Các phiếu xuất kho số 42, 43, 44 trị giá 712.000.000 đồng;
- + Phiếu xuất kho số 01 trị giá 106.400.000 đồng.

Người đại diện ủy quyền của ông A là ông Nguyễn Minh L cho rằng: Tổng số tiền hàng ông A đã thanh toán cho Công ty Quang V là 1.170.000.000 đồng (theo sổ công nợ của công ty) + 50.000.000 đồng (giá trị xe SH được thưởng) + 510.000.000 đồng (số tiền ông A đã thanh toán chưa được công ty đưa vào sổ công nợ) = 1.730.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu các số liệu thì Công ty Quang V còn nợ ông A số tiền là: 367.175.000 đồng (Đã bao gồm cả tiền thưởng xe SH). Tính cả số tiền mà Công ty Quang V còn nợ ông A số hàng hóa trị giá 5.840.000 đồng mà công ty mượn vào ngày 03/5/2018, thì Công ty Quang V còn nợ ông A 373.015.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn Công ty Quang V không đồng ý với việc ông Trần Xuân A cho rằng đã thanh toán số tiền 510.000.000 đồng.

[3] Căn cứ các hoá đơn, chứng từ do các đương sự cung cấp, HĐXX xét thấy:

+ Ngày 05/10/2017, ông A lên nộp trực tiếp tại công ty số tiền 110.000.000 đồng khi đó không có kế toán ở công ty nên bà Q nhận thay và viết phiếu thu 110.000.000 đồng vào phiếu thu của công ty khác;

+ Ngày 19/10/2017, ông A có mang lên Công ty Quang V nộp số tiền 270.000.000 đồng;

Tổng cộng là 380.000.000 đồng.

Trong đó ông A yêu cầu bà O tách thành 2 khoản là 272.000.000 đồng (phiếu thu 02, sau đây gọi tắt là PT) tất toán đơn hàng của phiếu xuất kho số 36 (Đợt 1) là 272.000.000 đồng và còn lại 108.000.000 đồng cọc tiền hàng cho đơn hàng 28 tấn (10Đ, 8L, 10K sau đó đơn hàng có sự điều chỉnh số lượng thành 9Đ, 8L, 11K theo P XK37 (PT03). Khi đó bà O có yêu cầu ông A trả lại tờ giấy 110.000.000 đồng do bà Q viết thì ông A nói quên ở nhà hôm sau mang lên trả đến nay vẫn chưa thấy trả lại cho công ty.

+ Ngày 25/10/2017, ông A mang thêm 90.000.000 đồng thanh toán cho đơn hàng P XK số 37 (Đợt 2), tổng giá trị đơn hàng là: 271.000.000 đồng, trừ 108.000.000 đồng và 90.000.000 đồng ông A còn nợ Công ty Quang V: 73.000.000 đồng.

+ Ngày 31/10/2017, ông A có đưa cho bà Q 300.000.000 đồng để thanh toán tiền cũ và cọc đơn hàng mới (P XK42, P XK43, P XK44) tổng 03 đơn hàng có giá trị là: 712.000.000 đồng (Đợt 3).

Trong ngày hôm đó chưa nhập phiếu thu, đến ngày 03/11/2017 ông A mang đến công ty thêm 250.000.000 đồng và Công ty đã xuất cho ông A PT 06 số tiền 250.000.000 đồng và PT07 số tiền 300.000.000 đồng (số tiền bà Q nhận ngày 31/10/2017). Như vậy, tính đến đây ông A còn nợ công ty số tiền là: 235.000.000 đồng.

Đến ngày 14/11/2017, ông A lấy thêm 1 đơn hàng theo P XK S1-02 trị giá 106.400.000 đồng (Đợt 4); tổng nợ là 341.400.000 đồng.

Ngày 15/11/2017, ông A có chuyển khoản hai lần qua ngân hàng, tổng số tiền là 100.000.000 đồng và đến ngày 22/11/2017 ông A có đến công ty nhắc đã chi trước tiền vận chuyển hàng là 50.000.000 đồng, yêu cầu công ty cộng lại để trừ vào tiền hàng theo PT quyền số 01 tổng số tiền 150.000.000 đồng, do công ty không yêu cầu tính tiền vận chuyển hàng nữa mà công ty tính luôn vào tiền hàng vì đã thu vào tiền hàng.

Như vậy, số tiền ông A còn nợ Công ty Quang V là 341.400.000đ - 150.000.000đ (theo phiếu thu số 01, ngày 22/11/2017) = 191.400.000 đồng là phù hợp với các phiếu thu được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[4] Đối với yêu cầu Công ty Quang V trả các tài sản đã mượn: Ngày 03/5/2018 gồm 12 chai Rapid hydro trị giá 3.840.000 đồng, 50 kg Rapid Biobliend trị giá 700.000 đồng, 50 kg Rapid super trị giá 600.000 đồng, 50 kg Rapid KS Fish trị giá 700.000 đồng. Tổng cộng: 5.840.000 đồng theo nhập kho ngày 03/5/2018. Việc này Công ty Quang V xác nhận nên buộc Công ty Quang V phải trả cho ông A số tiền 5.840.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh số tiền: 510.000.000 đồng ông A đã trả cho đơn hàng nào? Phiếu xuất kho nào? Tại sao ông A lại trả tiền thừa theo các đơn hàng đã xuất kho mà không yêu cầu phía Công ty Quang V viết phiếu thu? Hoặc yêu cầu bà Q phải trả lại tiền nếu bà Q không nộp cho Công ty Quang V. Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Trần Xuân A về việc: Buộc Công ty Quang V phải trả số tiền 367.175.000 đồng (373.015.000 đồng - 5.840.000 đồng) và tiền lãi suất của số tiền này (Tính từ ngày 04/10/2018 đến ngày 30/9/2021).

[5] Xét yêu cầu phản tố của Công ty Quang V yêu cầu buộc ông Trần Xuân A phải trả số tiền mua hàng còn thiếu là: 193.187.500 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, do ông A còn nợ 191.400.000 đồng tiền hàng

(Như đã phân tích ở trên) nên yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên toà cấp sơ thẩm, bị đơn chỉ yêu cầu buộc ông A trả 191.400.000 đồng và xin rút yêu cầu số tiền 1.787.5000 đồng nên cần đình chỉ một phần yêu cầu phản tố đối với số tiền này và tính toán lại số tiền yêu cầu phản tố là 191.400.000 đồng là có căn cứ. Do Công ty Quang V còn nợ ông Trần Xuân A số tiền 5.840.000 đồng giá trị tài sản mượn chưa trả, nên khấu trừ số tiền 5.840.000 đồng thì ông A còn phải thanh toán trả cho Công ty Quang V số tiền 185.560.000 đồng tiền hàng mua phân bón còn thiếu.

[6] Đối với yêu cầu của ông Trần Xuân A buộc Công ty Quang V phải thanh toán phần hứa thưởng số tiền 50.000.000 đồng (Giá trị xe SH) do ông A chưa thanh toán đủ tiền cho các đơn hàng theo các phiếu xuất kho nên theo Hợp đồng thương mại và Hợp đồng kinh tế, yêu cầu của ông A là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những nhận định trên HĐXX xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[7] Về chi phí giám định chữ ký chữ viết: Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V phải chịu chi phí giám định số tiền 5.040.000 đồng theo phiếu thu số 119 ngày 15/7/2019 và 600.000 đồng tiền chi phí giám định lại theo phiếu thu số 180 ngày 05/9/2019 (Các khoản tiền trên đã chi phí xong tại Tòa án cấp sơ thẩm).

[8] Về án phí:

+ Đối với án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 5.840.000 đồng nên không tính lãi số tiền này để tính án phí cho nguyên đơn mà cần buộc bị đơn Công ty Quang V phải chịu án phí đối với số tiền này là 300.000 đồng mới đúng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.840.000 đồng nhưng vẫn tính lãi của số tiền này và tính án phí cho nguyên đơn là trái quy định pháp luật, do đó cần sửa một phần bản án sơ thẩm, tính lại án phí cho đúng. Án phí dân sự sơ thẩm nguyên đơn phải chịu, được tính lại như sau: 367.175.000 đồng tiền nợ gốc + 109.850.000 đồng tiền lãi (Lãi = 367.175.000 đồng tiền gốc x 10%/năm x 1.092 ngày (02 năm 11 tháng 26 ngày) : 365 ngày) = 477.025.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 477.025.000 đồng, nguyên đơn phải chịu là: 23.081.000 đồng. Do đó cần tuyên buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 23.081.000 đồng.

Đối với án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu phản tố của bị đơn đối với số tiền 185.560.000 đồng tiền ông A mua phân bón còn thiếu. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, nhưng không buộc nguyên đơn phải chịu án phí đối với số tiền này là không đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2012/UBTVQH 12, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí tòa án . Do đó cần buộc nguyên đơn ông Trần Xuân A phải

chịu án phí đối với số tiền phản tố mà bị đơn được chấp nhận là 9.282.500 đồng (185.560.000 đồng x 5%).

Tổng số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà nguyên đơn ông Trần Xuân A phải nộp là: 32.333.500 đồng (23.081.000 đồng + 9.282.500 đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông A đã nộp 9.325.000 đồng theo biên lai số 0008240 ngày 09/10/2018. Ông Trần Xuân A còn phải nộp số tiền 23.008.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Quang V phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.829.687 đồng đã nộp theo biên lai số 0008494 ngày 20/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V số tiền 4.529.687 đồng theo biên lai nói trên.

+ Đối với án phí dân sự phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh L.

- Sửa một phần nội dung bản án dân sự sơ thẩm số 154/2021/DS - ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần lãi suất và án phí.

[2]. Tuyên xử:

[2.1]. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân A về việc: Buộc Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V phải trả cho ông Trần Xuân A số tiền 367.175.000 đồng (Bao gồm tiền trả thừa tiền hàng mua bán phân bón 317.175.000 đồng và tiền hứa thưởng theo hợp đồng trị giá chiếc xe SH 50.000.000 đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Xuân A về việc buộc Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V trả tiền mượn hàng vào ngày 03/5/2018 gồm 12 chai Rapid hydro trị giá 3.840.000 đồng, 50 kg Rapid Biobliend trị giá 700.000 đồng, 50 kg Rapid super trị giá 600.000 đồng, 50 kg Rapid KS Fish trị giá 700.000 đồng chưa trả. Tổng giá trị: 5.840.000 đồng.

[2.2]. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V về việc: Buộc ông Trần Xuân A phải trả cho Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V số tiền 191.400.000 đồng tiền mua phân bón còn thiếu, trừ đi số tiền 5.840.000 đồng, ông Trần Xuân A còn phải thanh toán cho Công ty TNHH vật

tư nông nghiệp Quang V số tiền 185.560.000 đồng tiền mua hàng còn thiếu.

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V về việc buộc ông Trần Xuân A phải trả cho Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V số tiền hàng 1.787.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về chi phí giám định chữ ký chữ viết: Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V phải chịu chi phí giám định số tiền 5.040.000 đồng theo phiếu thu số 119 ngày 15/7/2019 và 600.000 đồng tiền chi phí giám định lại theo phiếu thu số 180 ngày 05/9/2019 (Đã chi phí xong tại Tòa án cấp sơ thẩm).

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Xuân A phải nộp là: 32.333.500 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông A đã nộp 9.325.000 đồng theo biên lai số 0008240 ngày 09/10/2018. Ông Trần Xuân A còn phải nộp số tiền 23.008.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V phải chịu án phí 300.000 án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.829.687 đồng theo biên lai số 0008494 ngày 20/11/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH vật tư nông nghiệp Quang V số tiền 4.529.687 đồng theo biên lai nói trên.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Xuân A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 60AA/2021/0009815 ngày 25/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Duy Tuấn